TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **06** /2023/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 03 năm 2023
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Văn Hợi

2. Bà Dương Thị Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 03 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 255/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị Thanh L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị L có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Lý Văn T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Anh T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đào Thị Thanh L trình bày*:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Lý Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 25/10/2005. Anh chị có tổ chức cưới hỏi

theo phong tục địa phương. Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối gì. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến cuối năm 2021 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hay cãi chửi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh T hay đi làm vắng nhà, khiến cho cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, ngột ngạt. Hiện vợ chồng đang sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn vì vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu, không thể quay về đoàn tụ tiếp tục chung sống cùng nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý Văn T, để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lý Bảo T, sinh ngày 07/12/2008 và Lý Anh T, sinh ngày 14/8/2013. Khi ly hôn, chị cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con vì chị không muốn chia tách các con, anh T thường xuyên vắng nhà, không có điều kiện chăm sóc nuôi dạy con học hành nên chị không yên tâm giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị tôn trọng nguyện vọng của các con, nếu cháu T muốn ở với anh T và anh T muốn nuôi cháu T, cam kết sẽ đảm bảo chăm sóc tốt cho cháu T thì chị cũng nhất trí giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công nợ chung: Không có

Về phía bị đơn anh Lý Văn T: Quá trình giải quyết vụ án anh T không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định pháp luật.

Qua xác minh tại gia đình anh T được ông Lý Văn T và bà Nguyễn Thị T (là bố mẹ đẻ của anh T) cho biết: Anh T và chị L sau khi kết hôn chung sống cùng ông bà tại Xóm V, xã T. Trong thời gian chung sống cùng nhau vợ chồng anh T, chị L có xảy ra va chạm nhưng không có mâu thuẫn gì lớn. Đến khoảng tháng 6/2022 chị L mang con về bên nhà ngoại ở, vợ chồng anh T chị L sống ly thân từ đó đến nay. Anh T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và cho biết anh T muốn vợ chồng anh sẽ tự trao đổi thỏa thuận về việc ly hôn.

Do anh T không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa anh T trình bày: Anh và chị L tự nguyện kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T theo quy định pháp luật, có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh tại Xóm V, xã T. Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì thường xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, hiện vợ chồng đang sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị L đề nghị ly hôn anh nhất trí. Về con chung, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T, hiện cháu T đang chung sống ổn định cùng anh, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung anh xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Đối với nguyên đơn tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70,71 của BLTTDS. Về phía bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

- Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Thanh L và cho chị L được ly hôn anh Lý Văn T.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Lý Bảo T, sinh ngày 07/12/2008 cho chị L; Giao con chung là cháu Lý Anh T, sinh ngày 14/8/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Các bên không yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đào Thị Thanh L và anh Lý Văn T kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/10/2005. Vì nhiều nguyên nhân, nay chị Đào Thị Thanh L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lý Văn T có nơi cư trú tại Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Thanh L và anh Lý Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Lý do chị L xin ly hôn anh T là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T không tu chí làm ăn, khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, ngột ngạt. Đến đầu năm 2022 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin ly hôn anh T. Tại phiên tòa anh T cũng xác nhận vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng đã hết, chị L đề nghị ly hôn anh nhất trí. Xét thấy, chị L và anh T không có sự quan tâm, chia sẻ yêu thương nhau trong cuộc sống, hiện vợ chồng vẫn đang sống ly thân nhau, như vậy mục đích hôn nhân giữa chị L và anh T không đạt được, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, nên cần chấp nhận cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Lý Bảo T, sinh ngày 07/12/2008 và Lý Anh T, sinh ngày 14/8/2013. Khi ly hôn chị L và anh T đều tôn trọng nguyện vọng của các con, tại phiên tòa cháu Thư trình bày có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ, cháu T có nguyện vọng muốn được ở cùng với bố. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Thư đang sinh sống ổn định cùng chị L và có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, cháu T đang sinh sống ổn định cùng anh T và có nguyện vọng muốn được ở với bố, không nên làm sáo trộn cuộc sống của các cháu.

Do vậy, cần giao cho chị L trực tiếp nuôi cháu Lý Bảo T, sinh ngày 07/12/2008, anh T trực tiếp nuôi cháu Lý Anh T, sinh ngày 14/8/2013 là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, chị L và anh T, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L và anh T đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51và Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu kiện của chị Đào Thị Thanh L, cho chị L được ly hôn với anh Lý Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Đào Thị Thanh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lý Bảo T, sinh ngày 07/12/2008; anh Lý Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lý Anh T, sinh ngày 14/8/2013 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Chị L và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị L và anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003042 ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị L, anh T báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên (01 bản);
- VKS ND huyện, tỉnh (02 bản);
- T.H.A DS huyện (01 bản);
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP, bộ phận;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy